

Số 01-NQ/ĐH

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
LẦN THỨ I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 diễn ra từ ngày 10/9/2025 đến ngày 12/9/2025, sau khi thảo luận các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình,

QUYẾT NGHỊ

A. Tán thành nội dung Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội.

I. Tán thành những nội dung cơ bản về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Đảng bộ tỉnh như đã nêu trong dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội.

II. Quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ 2025 - 2030

1. Quan điểm chỉ đạo

Tán thành 05 quan điểm chỉ đạo được xác định trong Báo cáo chính trị trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Mục tiêu phát triển

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, tăng cường niềm tin của Nhân dân đối với Đảng. Phát huy truyền thống cách mạng anh hùng, đại đoàn kết các dân tộc; liên kết và phát huy tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường đối ngoại; nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ngãi là tỉnh phát triển khá, trở thành một cực tăng trưởng quan trọng ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

3. Các chỉ tiêu chủ yếu

3.1. Các chỉ tiêu về kinh tế

(1) Phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên.

(2) Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 8,5% - 9,5%/năm.

(3) Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người khoảng 6.900 - 7.000 USD.

(4) Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) tăng bình quân 9% - 10%/năm.

(5) Đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng 75% - 76%; trong đó, công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44% - 45%.

(6) Đến năm 2030, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu 30%.

(7) Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất 560.000 tỷ đồng.

3.2. Các chỉ tiêu về văn hóa - xã hội

(8) Đến năm 2030, có 13,1 bác sĩ trên 01 vạn dân; 37,5 giường bệnh trên 01 vạn dân.

(9) Đến năm 2030, có ít nhất 65,19% trường mầm non, 80% trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia.

(10) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 38,7%.

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên 30,6%.

(12) Đến năm 2030, phần đầu cơ bản không còn hộ nghèo.

3.3. Các chỉ tiêu về môi trường - đô thị

(13) Đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 60%.

(14) Đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 38%.

3.4. Các chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh

(15) Hằng năm, 100% đơn vị hành chính cấp xã đạt tiêu chuẩn vững mạnh về quốc phòng, trong đó vững mạnh toàn diện đạt khoảng 70%.

(16) Hằng năm, có ít nhất 80% khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

4. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp

Trên cơ sở Báo cáo chính trị, Nghị quyết xác định những phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cốt lõi. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết.

4.1. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trên tất cả các mặt: Chính trị; tư tưởng; đạo đức; tổ chức bộ máy; tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; cán bộ; kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; dân vận; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy để Đảng ta thực sự là đạo đức, là văn minh.

4.1.1. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức

Thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, hiệu quả Nghị quyết, Kết luận Trung ương về

xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quán triệt, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chuẩn mực đạo đức cách mạng, truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương, đất nước. Nâng cao chất lượng bồi dưỡng lý luận, cập nhật kiến thức. Lãnh đạo tốt công tác tuyên truyền, báo chí, xuất bản, truyền thông; tăng cường nắm bắt, định hướng dư luận xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, cơ hội chính trị. Đẩy mạnh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đề cao trách nhiệm nêu gương, ý thức tự giác tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp.

4.1.2. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị bảo đảm thông suốt, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới. Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp xã. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy bên trong của các cơ quan, đơn vị và tinh giản biên chế, quản lý theo vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Thường xuyên đánh giá, kịp thời khắc phục các bất cập phát sinh, đảm bảo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Có giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

4.1.3. Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên

Xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức đảng cấp tỉnh, cấp xã, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên. Hoàn thiện quy chế làm việc và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của các loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả phong trào thi đua xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”. Đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong hoạt động và sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ. Nâng cao chất lượng đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên. Phần đầu hằng năm, có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, kỹ năng và nghiệp vụ công tác đảng, công tác quần chúng, khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết cho đội ngũ cấp ủy viên cơ sở, nhất là bí thư cấp ủy.

Nâng cao chất lượng kết nạp đảng viên, phát huy vai trò của hệ thống chính trị cấp cơ sở trong tạo nguồn phát triển đảng viên; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những đoàn viên ưu tú, trong đó quan tâm phát triển đảng viên trong học sinh, sinh viên, người theo tôn giáo, khu vực ngoài nhà nước, đảng viên ở thôn, làng, khu dân cư. Phần đầu tỷ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm đạt từ 3% - 4% tổng số đảng viên; thành lập tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội ở khu vực ngoài

nhà nước năm sau cao hơn năm trước. Thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

4.1.4. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp; tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ

Bảo đảm thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ.

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đảm bảo tính liên tục, kế thừa và phát triển, có đủ phẩm chất, đạo đức, năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số. Có giải pháp hữu hiệu để khuyến khích, bảo vệ cán bộ có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Chú trọng thu hút và trọng dụng nhân tài vào làm việc trong bộ máy hệ thống chính trị tỉnh. Tiếp tục đổi mới công tác tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ, tăng cường cán bộ cho cấp cơ sở, các địa bàn khó khăn, trọng yếu, nơi triển khai mô hình mới. Tiếp tục đổi mới phương pháp đánh giá, nhận xét, coi trọng đánh giá cán bộ theo hướng xuyên suốt, liên tục, đa chiều, có tiêu chí và thông qua sản phẩm cụ thể; thay thế kịp thời những cán bộ yếu kém về năng lực, đạo đức, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Coi trọng và thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

4.1.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng

Tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, trước hết là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng và Chiến lược kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030.

Chủ động, kịp thời cụ thể hóa, nghiên cứu, rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng theo thẩm quyền. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế giám sát thường xuyên; quy chế phối hợp giữa ủy ban kiểm tra các cấp với tổ chức đảng liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng. 100% cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa và hằng năm có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn. Tăng cường giám sát thường xuyên việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, nhất là cấp xã sau hợp nhất, sáp nhập; việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; kiên quyết không để xảy ra tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực,... góp phần xây dựng bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp thực sự liêm chính, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; những lĩnh vực, địa bàn, vị trí công tác dễ xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; những nơi có vấn đề nổi cộm, gây bức xúc trong xã hội.

Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp, cách thức tổ chức công tác kiểm tra, giám sát. Chuyển trọng tâm sang công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm. Chuyển từ thụ động sang chủ động nắm chắc tình hình, không để có “khoảng trống”, “vùng tối” mà công tác kiểm tra, giám sát của Đảng không vươn tới được; gắn công tác kiểm tra, giám sát với kiểm soát quyền lực; đổi mới công tác giám sát thường xuyên, xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả, có khả năng cảnh báo sớm và phòng ngừa vi phạm ngay từ cơ sở, không để các vi phạm nhỏ tích tụ thành vi phạm nghiêm trọng, hình thành và lan tỏa văn hóa chính trị trách nhiệm trong nội bộ Đảng. Bên cạnh việc xử lý nghiêm các vi phạm, cần bảo vệ người làm đúng, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm. Tăng cường giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát. Chú trọng công tác tự kiểm tra của cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên; xử lý nghiêm tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, đảm bảo công minh, chính xác, kịp thời. Đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Kiểm tra Đảng; xây dựng hệ thống dữ liệu đồng bộ để hướng đến thực hiện “giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu”. Xây dựng, nâng tầm đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra của Đảng bộ tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

4.1.6. Phát huy truyền thống đoàn kết, tạo sự đồng thuận xã hội, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và phát triển kinh tế - xã hội

Quán triệt sâu sắc quan điểm “Dân là gốc”, Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo. Phát huy vai trò, quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng Đảng, Nhà nước thông qua thực hiện cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp, lực lượng vũ trang; gắn công tác dân vận với thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân. Thực hiện tốt phong trào thi đua “Dân vận khéo” trong hệ thống chính trị, góp phần thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và Nhân dân.

Nâng cao chất lượng hoạt động và vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong việc đoàn kết, tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững, công tác chuyển đổi số, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền, bảo đảm an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Tăng cường xây dựng lực lượng nòng cốt là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào có đạo; nắm chắc tình hình, chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, xử lý điểm nóng.

4.1.7. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng

Thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Đẩy mạnh đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trên các mặt công tác, đáp ứng yêu cầu trong

điều kiện tình hình mới. Nâng cao năng lực cụ thể hóa, thể chế hóa và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện cùng với kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Lãnh đạo rà soát sửa đổi, bổ sung về chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành của các cơ quan theo hướng phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tăng cường kiểm tra, giám sát. Phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương, tính chủ động, sáng tạo của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị gắn với cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

4.1.8. Xây dựng chính quyền kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan dân cử

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Nâng cao chất lượng ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp. Bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật. Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật.

Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. Tăng cường đối thoại, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp và địa phương; tập hợp trí tuệ của cử tri và Nhân dân để đóng góp cho Quốc hội trong quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Tăng cường giám sát các nghị quyết của Quốc hội tại địa phương. Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của HĐND các cấp. Tăng cường giám sát những vấn đề cụ thể được cử tri và Nhân dân quan tâm.

Tiếp tục sắp xếp, xây dựng bộ máy chính quyền tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền bảo đảm khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, phù hợp với năng lực thực hiện nhiệm vụ; tăng cường kiểm tra, giám sát. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực gắn với chuyển đổi số, tối ưu hóa dịch vụ công trực tuyến, minh bạch hóa quy trình, tăng cường tương tác đa kênh giữa chính quyền và công dân. Xây dựng nền hành chính hiện đại dựa trên chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu. Phương thức quản lý nhà nước chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát. Xóa bỏ triệt để cơ chế “xin - cho”. Nâng cao hiệu quả phục vụ Nhân dân, trách nhiệm giải trình, liêm chính trong hoạt động công vụ.

4.1.9. Tiếp tục đẩy mạnh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và toàn dân, thực hiện đồng bộ phương châm 4 không: “không thể”, “không dám”, “không muốn”, “không cần” trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kết hợp chặt chẽ giữa

tích cực phòng ngừa với chủ động phát hiện, xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, không có vùng cấm, không có ngoại lệ. Nâng cao tính chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; chủ động phòng ngừa, tự phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong nội bộ. Triển khai quyết liệt, thường xuyên, toàn diện, đồng bộ công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; chú trọng thu hồi tài sản tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Rà soát, xác định rõ nguyên nhân, xử lý hiệu quả đối với các dự án, công trình chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, hiệu quả thấp, nguy cơ gây thất thoát, lãng phí và cơ sở nhà, đất của các đơn vị sau sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy. Xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Chú trọng công tác bảo vệ người tố cáo, người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công vụ; tiếp dân, đối thoại với dân và xử lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của dân. Nâng cao hiệu quả cải cách tư pháp; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp.

4.2. Phát triển kinh tế - xã hội

4.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng, phát triển nhanh và bền vững

4.2.1.1. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế

Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới với trọng tâm là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển các mô hình kinh tế mới.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; xác định phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế; kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài cùng các loại hình kinh tế khác giữ vai trò quan trọng. Tập trung thu hút một số dự án lớn từ nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, chuỗi cung ứng thông minh, năng lượng sạch, các dự án có sự liên kết, hợp tác về chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị giữa đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài. Bảo vệ quyền sở hữu tài sản, quyền tự do kinh doanh, cải thiện môi trường kinh doanh minh bạch, công khai, tạo động lực thúc đẩy khu vực tư nhân phát triển nhanh, bền vững. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn về đất đai, tín dụng, công nghệ, thị trường; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp linh hoạt, năng động.

Khẩn trương rà soát, tích hợp, cập nhật lại quy hoạch tỉnh, bảo đảm đồng bộ với các quy hoạch vùng, quy hoạch quốc gia, vừa khai thác hiệu quả lợi thế tổng hợp của địa phương, vừa mở rộng dư địa và không gian phát triển mới. Phát triển kinh tế dựa trên nền tảng đa dạng sinh thái - kinh tế, hướng đến tăng trưởng xanh, bao trùm và bền vững, với mô hình tăng trưởng đa trung tâm, kết hợp giữa lợi thế khí hậu, thổ

nhuững phù hợp phát triển nông nghiệp hữu cơ, cây dược liệu, kinh tế lâm nghiệp ở vùng cao nguyên với nền tảng công nghiệp nặng, cảng biển, tạo nên chuỗi giá trị hoàn chỉnh từ nông nghiệp, khai thác tài nguyên đến chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu. Phát triển kinh tế đa ngành, bền vững từ nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, đến kinh tế biển, năng lượng tái tạo, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên cơ sở kết hợp và phát huy lợi thế của 3 vùng sinh thái chủ đạo: vùng núi cao nguyên, vùng đồng bằng, vùng biển đảo.

Phát huy vai trò của các vùng kinh tế động lực, các hành lang kinh tế chiến lược, nhất là hành lang kinh tế Đông - Tây gắn với phát triển kinh tế vùng biên mậu, phát triển công nghiệp, kinh tế biển và du lịch, tạo động lực phát triển theo quy hoạch được phê duyệt. Khai thác không gian phát triển mới trên cơ sở thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, liên kết quốc gia, kết nối thông suốt từ vùng Tây Nguyên đến biển, hình thành trục giao thương liên vùng, liên quốc gia.

4.2.1.2. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển theo chiều sâu, đa dạng hóa các ngành công nghiệp; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp với tốc độ cao, thu hút một số dự án công nghiệp quy mô lớn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Phát triển mạnh công nghiệp lọc hóa dầu, sau lọc hóa dầu, luyện kim, cơ khí và công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế khác biệt như: trung tâm công nghiệp lọc, hóa dầu, trung tâm công nghiệp đóng tàu, trung tâm sản xuất thép. Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp quan trọng khác như: Điện tử, trí tuệ nhân tạo, sinh học, bán dẫn, năng lượng (điện khí, thủy điện, điện mặt trời, điện gió), sản xuất hàng tiêu dùng; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ phát triển nông, lâm, thủy sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn tại các địa bàn có lợi thế.

Chủ động thúc đẩy mối liên kết giữa Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y với Khu kinh tế mở Chu Lai để hình thành trung tâm công nghiệp trọng điểm của khu vực và cả nước. Hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất. Nghiên cứu thành lập các khu công nghiệp ở những nơi có điều kiện theo quy hoạch. Đẩy mạnh huy động đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp và cụm công nghiệp, nhất là hệ thống giao thông kết nối và hệ thống xử lý chất thải. Định hướng phát triển Khu Công nghiệp VSIP II là khu công nghiệp công nghệ cao, thu hút đầu tư các ngành có hàm lượng công nghệ cao gắn với chuyển đổi số, thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng cao.

Hỗ trợ, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án công nghiệp lớn, có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển công nghiệp của tỉnh như dự án: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2, Nhà máy sản xuất ray thép và thép đặc biệt, VSIP II, các dự án Nhà máy điện tuabin khí hỗn hợp Dung Quất I, Dung Quất II, Dung Quất III, Khu công nghiệp và sản xuất dược liệu tập trung Đắk Tô,... Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 12% -

13%/năm; trong đó công nghiệp tăng bình quân 12% - 13%/năm; tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GRDP chiếm 44% - 45%.

4.2.1.3. Phát triển nhanh, đa dạng các loại hình dịch vụ, các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, giá trị gia tăng cao; phát triển du lịch

Tiếp tục phát triển mạnh các ngành dịch vụ phục vụ đời sống người dân như: văn hóa, giáo dục và đào tạo, y tế, chăm sóc sức khỏe, môi trường... Khuyến khích phát triển các dịch vụ: khoa học và công nghệ; tài chính; viễn thông; công nghệ thông tin; tư vấn pháp lý; tư vấn khởi nghiệp và các dịch vụ mới của nền kinh tế số.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Phát triển thương mại điện tử, phổ cập các loại hình thương mại mới, áp dụng công nghệ cao. Khuyến khích đầu tư các siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm dịch vụ tổng hợp tại các đô thị và khu du lịch. Thu hút đầu tư phát triển hợp lý hệ thống logistics đường bộ, đường thủy. Phát triển mạnh dịch vụ cảng biển, vận tải biển, logistics dựa trên ưu thế của cảng nước sâu Dung Quất. Thu hút đầu tư, phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y; nâng cấp cửa khẩu phụ Đắk Long - Văng Tắt lên thành cửa khẩu chính, nâng cao hiệu quả hoạt động cửa khẩu phụ Đắk Blô - Đắk Bar, sớm mở cửa khẩu phụ Hồ Le,... gắn với định hướng phát triển kinh tế vùng biên mậu trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh của khu vực “Ngã ba Đông Dương”. Phân đầu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực dịch vụ đạt 11% - 12%/năm; tỷ trọng dịch vụ trong GRDP chiếm 31 - 32%. Đẩy mạnh phát triển đồng bộ kinh tế biển - du lịch - dịch vụ. Phát triển du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn. Phát huy những tiềm năng, lợi thế đặc biệt của tỉnh cùng các giá trị văn hóa, lịch sử, con người để thu hút đầu tư, phát triển du lịch với các hạt nhân tạo thành tam giác phát triển du lịch thế mạnh của tỉnh: Trung tâm du lịch biển - đảo Lý Sơn, Khu du lịch Măng Đen, Di tích quốc gia đặc biệt Văn hóa Sa Huỳnh. Phát triển du lịch với định hướng “ba quốc gia, một điểm đến”. Hình thành các tuyến du lịch kết nối giữa cao nguyên và biển đảo trên cơ sở phát huy sự đa dạng bản sắc văn hóa của mỗi vùng miền, của các đồng bào dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử, văn hóa, thắng cảnh mang đậm bản sắc Tây Nguyên. Phát triển đa dạng các loại hình, sản phẩm du lịch như: Du lịch sinh thái, nông nghiệp; du lịch văn hóa, lịch sử; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng; du lịch chuyên đề khác; ưu tiên sản phẩm du lịch đặc trưng, có bản sắc riêng. Phát triển Khu du lịch Mỹ Khê để sớm được công nhận là khu du lịch quốc gia; phát triển Khu du lịch Măng Đen thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng. Thu hút các nhà đầu tư chiến lược để đầu tư tổ hợp khu đô thị - dịch vụ - du lịch nghỉ dưỡng, giải trí quy mô lớn, chất lượng cao dọc tuyến đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, đặc khu Lý Sơn, Khu du lịch Thạch Bích - Núi Chúa, núi Cà Đam,... Thúc đẩy liên kết, hình thành các khu, điểm du lịch những nơi có tiềm năng. Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, tổ chức xúc tiến và quảng bá du lịch của tỉnh.

4.2.1.4. Phát triển nông, lâm, thủy sản hiệu quả, bền vững, giá trị gia tăng cao

Chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp. Khuyến khích phong trào khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp số. Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo

hướng hiệu quả, bền vững; phát triển các ngành hàng chủ lực, lợi thế theo vùng, miền. Đẩy mạnh kết nối thị trường, quảng bá sản phẩm, xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; nâng cao vị thế và giá trị nông sản của tỉnh trên thị trường quốc tế. Phát triển ít nhất 5 thương hiệu nông sản mạnh cấp vùng, có khả năng xuất khẩu hoặc dẫn dắt thị trường nội địa.

Ưu tiên phát triển nông nghiệp hữu cơ, gắn với xây dựng thương hiệu theo địa danh và đặc sản vùng miền; kinh tế lâm nghiệp, kinh tế dược liệu, với trọng tâm là sâm Ngọc Linh và các loài dược liệu quý đặc hữu, cây ăn quả, rau hoa xứ lạnh, tỏi Lý Sơn, cây công nghiệp. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến sâu, tạo hàng hóa có giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu; trong đó, xây dựng vùng nguyên liệu (dứa, chanh dây,...) để phục vụ chế biến. Phân đấu trở thành vùng trọng điểm dược liệu của quốc gia. Thúc đẩy chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong nông nghiệp, xây dựng hệ thống dữ liệu số ngành nông nghiệp, nền tảng quản lý vùng trồng, công cụ đo lường sản lượng, chất lượng; bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất, bảo quản và chế biến nông sản. Có chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai, hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư phát triển các trang trại chăn nuôi theo hướng tập trung.

Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, nhất là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Phát triển ngành lâm nghiệp bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, đặc biệt là giá trị các-bon rừng. Phân đấu đến năm 2030, duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức 60%.

Phát triển hài hòa giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản; tiếp tục hình thành các trang trại nuôi trồng trên biển. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các nghiệp đoàn nghề cá. Nâng cao năng lực đánh bắt xa bờ; thu hút đầu tư, phát triển dịch vụ nghề cá và các cơ sở chế biến thủy sản, nâng cao giá trị gia tăng của thủy sản. Tuyên truyền, vận động giúp chủ tàu, ngư dân hiểu rõ các quy định, không vi phạm, không đánh bắt cá trái phép ở vùng biển nước ngoài, không khai thác hải sản bất hợp pháp. Có chính sách hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản; mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản tại các hệ thống sông, lòng hồ thủy lợi, thủy điện khu vực miền núi. Phân đấu tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm trong giai đoạn 2026 - 2030 của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 5% - 6%/năm.

4.2.1.5. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới

Tập trung đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong xã hội theo phương thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các dự án trọng điểm có tác động lan tỏa, tạo động lực để phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Phân bổ nguồn lực đầu tư cân đối, công bằng, hợp lý giữa các địa bàn, khu vực. Đầu tư hạ tầng thiết yếu, đầu tư phát triển kinh tế tại các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tích cực phối hợp, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án hạ tầng giao thông quan trọng trên địa bàn tỉnh như: Đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn; đường sắt tốc độ

cao Bắc - Nam; tuyến cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh; đường tránh phía Tây thành phố Quảng Ngãi (cũ)... Kiến nghị Trung ương sớm đầu tư tuyến cao tốc Ngọc Hồi - Kon Tum - Pleiku; đồng thời, quan tâm đầu tư nâng cấp Quốc lộ 24, Quốc lộ 40B, Quốc lộ 40, Quốc lộ 14C. Đầu tư hạ tầng giao thông kết nối sân bay Chu Lai; nghiên cứu phát triển cảng hàng không, sân bay tại đặc khu Lý Sơn, cảng hàng không Măng Đen, tuyến đường sắt kết nối vùng Tây Nguyên. Nghiên cứu đề xuất Trung ương về chủ trương đầu tư hạ tầng giao thông kết nối cửa khẩu quốc tế Bờ Y và cảng nước sâu Dung Quất.

Phát triển hạ tầng logistics hiện đại; xây dựng mạng lưới logistics đa chiều, nâng tầm khu vực trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa, du lịch dịch vụ chiến lược của Tây Nguyên, duyên hải Trung Bộ và các nước tiểu vùng Mê Kông. Tiếp tục đầu tư để xây dựng các cảng biển trở thành điểm trung chuyển quốc tế gắn với Trung tâm logistics cấp vùng tại Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch. Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường kết nối các địa phương trong tỉnh, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

Phát triển hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp đồng bộ đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Ưu tiên nguồn lực để hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Dung Quất, nhất là hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tập trung. Đầu tư cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi đầu mối; nâng cấp hệ thống đê kè sông, biển, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão,... gắn với ứng phó thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu. Đầu tư và đẩy mạnh huy động các nguồn lực đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hóa - xã hội đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Phân đấu hoàn thành chỉ tiêu về xây dựng nhà ở xã hội do Trung ương giao.

Tập trung phát triển đô thị gắn với những đột phá về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kiến trúc cảnh quan theo hướng đô thị sinh thái, văn minh, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD). Hình thành các đô thị sinh thái, thông minh dọc hai bên bờ sông Trà Khúc, sông Đăk Bla, gắn kết giữa bảo tồn thiên nhiên và phát triển hiện đại; định hướng phát triển một số đô thị động lực ở các khu vực có lợi thế như: Đông Nam Dung Quất, xã Măng Đen; tập trung phát triển tại các đô thị hiện hữu, khu du lịch hiện nay.

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa và phát triển kinh tế nông thôn; duy trì và phát huy kết quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phân đấu đến năm 2030, có trên 65% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, trên 35% xã nông thôn mới nâng cao, trên 12,5% xã nông thôn mới kiểu mẫu. Quy hoạch phân bố dân cư phù hợp với truyền thống văn hóa, dân tộc, môi trường sinh thái của từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn; tăng đầu tư ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn. Phân đấu đến năm 2030, 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

4.2.1.6. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội

Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét trong cải cách thủ tục hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hoá, giảm chi phí thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, người dân. Tháo gỡ các nút thắt, khơi thông, giải phóng, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi số. Đồng hành cùng doanh nghiệp và hình thành đội ngũ doanh nhân có tâm, có tầm, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước; nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án có hàm lượng khoa học, công nghệ và giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường, các ngành, lĩnh vực mà tỉnh có lợi thế so sánh; chú trọng thu hút nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đầu tư các dự án quy mô lớn, là đầu tàu dẫn dắt, liên kết phát triển tạo chuỗi giá trị trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Mở rộng đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Đổi mới phương thức quản trị, thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các mô hình kinh tế hợp tác, hợp tác xã.

Bảo đảm điều hành thực hiện tốt các quy định, quản lý chặt chẽ, hiệu quả thu chi ngân sách, tiết kiệm, chống lãng phí; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hằng năm vượt mức chỉ tiêu Trung ương giao; nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển, ưu tiên cân đối nguồn vốn ngân sách đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng, công trình, dự án trọng điểm, có sức lan tỏa, tạo động lực để phát triển kinh tế - xã hội.

4.2.2. *Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân*

4.2.2.1. Tiếp tục phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững

Xác định phát triển văn hóa, con người Quảng Ngãi là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa; tăng cường nguồn lực cho phát triển văn hoá tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Chú trọng phục hồi, bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một; giữ gìn, phát huy và làm giàu di sản văn hoá các dân tộc thiểu số. Bảo tồn và phát huy giá trị các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch trải nghiệm và tạo sinh kế cho người dân. Bảo vệ, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, đạo lý, đoàn kết, nghĩa tình, tinh thần tương thân, tương ái của con người. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa, tạo dựng các giá trị văn hóa phù hợp với phát triển xã hội số, nâng cao chất lượng các loại hình văn hóa, các tác phẩm văn học - nghệ thuật; đẩy mạnh xây dựng môi trường và đời sống văn hóa lành mạnh. Thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân.

Huy động các nguồn lực trong xã hội để đầu tư xây dựng, nâng cấp các thiết chế văn hóa theo hướng thiết thực, linh hoạt, lấy địa bàn làm cơ sở, lấy người dân

làm trung tâm. Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng Công viên Thiên Bút, Bảo tàng và Thư viện tỉnh thành tổ hợp thiết chế văn hóa, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân. Lập hồ sơ Di tích khảo cổ Văn hóa Sa Huỳnh trình UNESCO công nhận Di sản thế giới; đề nghị công nhận Ngục Kon Tum là Di tích cấp quốc gia đặc biệt; bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, các di tích lịch sử cách mạng - văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển kinh tế, du lịch bền vững... Nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác văn hóa đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới. Phát triển thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao.

4.2.2.2. Đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả giáo dục và đào tạo; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học và giáo dục thường xuyên; chú trọng đối với học sinh dân tộc thiểu số. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp. Tập trung đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học. Chuyển mạnh quá trình giáo dục phổ thông từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, kỹ năng và phẩm chất người học, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người dạy, người học. Đầu tư kiên cố hoá trường học, lớp học, nhà ở công vụ cho giáo viên, bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục tại các xã biên giới, tổ chức các điểm trường nội trú, bán trú ở các xã biên giới. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ phòng học được kiên cố hoá đạt 100%.

Nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Phạm Văn Đồng. Tăng cường công tác tư vấn học đường, tư vấn hướng nghiệp; sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục, phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất của người học. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Khuyến khích đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa Tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, nhất là cán bộ quản lý, các ngành mũi nhọn về khoa học, công nghệ, quản trị thông minh, khoa học cơ bản và các lĩnh vực ưu tiên. Có cơ chế, chính sách hiệu quả trong phát hiện, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân tài, các chuyên gia, nhà khoa học giỏi. Chú trọng nâng cao trình độ lao động nông thôn, tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề cao gắn với chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

4.2.2.3. Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đến năm 2030, bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách địa phương cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đẩy mạnh thu hút nguồn lực xã hội. Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ. Phát triển tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ chuyển giao công nghệ.

Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số. Phổ cập kỹ năng số cho người dân nhằm xây dựng một xã hội số bao trùm, toàn diện.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trên tất cả các lĩnh vực; trong đó, ưu tiên một số lĩnh vực như: Y tế, giáo dục, nông nghiệp, tài chính - ngân hàng, tài nguyên và môi trường, đảm bảo kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp. Đầu tư, phát triển hạ tầng số và đẩy nhanh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp; hỗ trợ từng bước hình thành và phát triển doanh nghiệp số, doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

4.2.2.4. Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Nâng cao chất lượng, hiệu quả khám, chữa bệnh ở các tuyến đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế cơ sở, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa góp phần xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển; phấn đấu 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Tập trung đầu tư, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh. Thúc đẩy phát triển y tế tư nhân, thu hút đầu tư các bệnh viện chất lượng cao. Đẩy mạnh thực hiện tự chủ trong các bệnh viện công lập. Phát triển nguồn nhân lực y tế bảo đảm số lượng và chất lượng. Thu hút nguồn nhân lực y tế; khuyến khích y, bác sĩ có năng lực chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, chủ động kiểm soát và ứng phó với các dịch bệnh.

Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; phấn đấu tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,1% dân số. Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển; có chính sách để duy trì vững chắc mức sinh thay thế. Quan tâm chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, bà mẹ, trẻ em. Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, đặc biệt ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng công tác bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.

4.2.2.5. Thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và giảm nghèo bền vững

Chú trọng thực hiện và huy động các tổ chức, cá nhân trong xã hội tích cực tham gia thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng. Phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm lo đời sống đối với các đối tượng yếu thế, khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, tạo môi trường lành mạnh để trẻ phát triển toàn diện. Hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật. Bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội.

Phát triển thị trường lao động gắn với giải quyết việc làm và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Xây dựng cơ sở dữ liệu người trong độ tuổi lao động làm cơ sở để dự báo thị trường, kết nối cung - cầu lao động. Hỗ trợ thanh niên giải quyết việc làm, khởi nghiệp; phấn đấu tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 1,68%.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia gắn với giảm nghèo bền vững. Mở rộng phạm vi, quy mô, đối tượng thực hiện tín dụng chính sách xã hội để góp phần tạo việc làm, cải thiện sinh kế, giảm nghèo nhanh và bền vững, nhất là ở các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, bảo đảm trợ giúp cho các nhóm

đối tượng yếu thế. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, nâng cao dân trí, ý thức tự lực, tự cường để vươn lên thoát nghèo bền vững. Thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi; khuyến khích trí thức trẻ, thanh niên tham gia phát triển nông thôn, miền núi, vùng khó khăn. Đẩy mạnh công tác bố trí, sắp xếp dân cư các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo; phấn đấu 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất.

4.2.3. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông, bờ biển; thu hút đầu tư Nhà máy tuyển luyện quặng tại những nơi có điều kiện gắn với quy hoạch khoáng sản. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thực hiện tốt công tác quản lý đất đai. Thường xuyên rà soát, kiểm tra và kiên quyết xử lý các sai phạm trong sử dụng đất, không để lãng phí tài nguyên đất đai. Quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các hệ sinh thái biển gắn với bảo vệ đa dạng sinh học. Nâng cao năng lực bảo vệ tài nguyên, phòng, chống cháy rừng.

Ưu tiên thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên. Tăng tỷ lệ cây xanh trong các đô thị, nhất là các đô thị trung tâm của tỉnh; phấn đấu đến năm 2030, diện tích cây xanh đạt 8 - 10 m²/người dân đô thị. Tập trung giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, nhất là xử lý nước thải tại các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường các dự án. Đẩy mạnh thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp. Tạo sự chuyển biến tích cực trong ý thức, văn hóa người dân về bảo vệ môi trường. Phấn đấu đến năm 2030, trên 98% chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, 100% chất thải y tế được xử lý.

Thực hiện hiệu quả Chiến lược Quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Ưu tiên đầu tư xây dựng, củng cố hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai. Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa; chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi.

4.3. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện gắn sát mục tiêu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp. Đẩy mạnh xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện tốt nhiệm vụ phòng thủ dân sự tại địa phương; xây dựng khu vực phòng thủ các cấp vững chắc. Nâng cao chất lượng công tác tuyên quân. Kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế - xã hội, đối ngoại với quốc phòng, an ninh. Chú trọng công tác đảm bảo an ninh biên giới; quản lý chặt địa bàn biên giới, xây dựng vùng biên hòa bình và phát triển.

Kịp thời phát hiện, chủ động xử lý có hiệu quả các vấn đề phức tạp về an ninh,

trật tự và ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo an ninh đối ngoại, an ninh dân tộc, an ninh tôn giáo, không để xảy ra các “điểm nóng” phức tạp về an ninh, trật tự, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới... Kiên quyết đấu tranh trấn áp hiệu quả các loại tội phạm; thực hiện các giải pháp giảm tai nạn giao thông, giảm cháy nổ. Bảo đảm an ninh số, an ninh mạng, an ninh, an toàn thông tin, an ninh dữ liệu.

4.4. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Tiếp tục củng cố, tăng cường quan hệ, hợp tác toàn diện với các địa phương của các nước Lào, Campuchia, nhất là các tỉnh Nam Lào, Đông Bắc Campuchia và một số tỉnh của Thái Lan; phối hợp chặt chẽ trong công tác mở các cặp cửa khẩu phụ trên tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, nâng cấp cặp cửa khẩu phụ Đắk Long - Văng Tắt lên thành cửa khẩu chính; tiếp tục kiến nghị đầu tư, nâng cấp Quốc lộ 18B từ Cửa khẩu Quốc tế Bờ Y đi tỉnh Attapur (Lào). Tham gia giải quyết vấn đề phân giới, cắm mốc còn tồn đọng giữa Việt Nam với Campuchia trên tuyến biên giới qua tỉnh. Tạo điều kiện để các nhà đầu tư trong tỉnh triển khai đầu tư, góp phần kết nối về kinh tế với các địa phương của Lào và Campuchia. Đẩy mạnh ngoại giao kinh tế, tăng cường năng lực hội nhập kinh tế quốc tế trong các ngành, lĩnh vực. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong các hoạt động sản xuất, đầu tư, kinh doanh, hợp tác với đối tác nước ngoài. Đẩy mạnh công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao văn hóa góp phần quảng bá, giới thiệu về tiềm năng, thế mạnh, khả năng hợp tác của tỉnh.

5. Các nhiệm vụ trọng tâm và đột phá nhiệm kỳ 2025 - 2030

5.1. 05 nhiệm vụ trọng tâm: (1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng bộ, chính quyền; (2) Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp nền tảng, thúc đẩy hình thành Trung tâm lọc, hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất; (3) Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ; (4) Đẩy mạnh phát triển du lịch; phát triển Lý Sơn trở thành trung tâm du lịch biển - đảo và Khu du lịch Măng Đen trở thành trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; (5) Thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân.

5.2. 03 nhiệm vụ đột phá: (1) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên hạ tầng giao thông, đô thị, công nghệ phục vụ cho quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng để phát triển nhanh và bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; (2) Tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt cấp tỉnh, cấp xã, có đủ phẩm chất, năng lực, tư duy mới, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; (3) Tập trung cải cách hành chính, phát triển chính quyền số; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; nâng cao năng lực cạnh tranh; đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

B. Thông qua Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

C. Thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 tổng hợp ý kiến thảo luận tại Đại hội để bổ sung, hoàn chỉnh, báo cáo Trung ương.

D. Giao Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 căn cứ Nghị quyết Đại hội, trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, tiếp thu ý kiến của Đại hội, hoàn thiện Chương trình hành động và xây dựng các nghị quyết chuyên đề, kế hoạch để tổ chức thực hiện kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội.

Với tinh thần **“Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đột phá - Phát triển”**, toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh quyết tâm nắm bắt thời cơ, chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn, thách thức, tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, phương hướng, nhiệm vụ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đề ra, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (báo cáo),
- Các ban đảng Trung ương,
- Các vụ địa phương/địa bàn của các ban đảng Trung ương,
- Thường trực HĐND tỉnh,
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh,
- Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh, Đảng ủy Công an tỉnh,
- Đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- VPTU: PCVP, các phòng trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

Xác nhận chữ ký của đồng chí Bùi Thị Quỳnh Vân

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

Đinh Thị Hồng Minh